

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DS-PT

Ngày 29-10- 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2021, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số 63/312, đường C, Khóm 9, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Hồng N trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Hứa Ngọc V, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 63/310, đường C, Khóm 10, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ngô Kiều Kh, sinh năm 1994 (vắng mặt)

2. Anh Ngô Văn Kh1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 63/310, đường C, Khóm 10, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Lâm Ngọc X, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 63/310, đường C, Khóm 10, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

4. Bà Huỳnh Ngọc T1 (vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1996 (vắng mặt)
6. Anh Nguyễn Anh T3, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 9, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, (không rõ địa chỉ) (vắng mặt)
8. Bà Nguyễn Thị Bích V, (không rõ địa chỉ) (vắng mặt)
9. Bà Nguyễn Thị Lệ T4, (không rõ địa chỉ) (vắng mặt)
10. Bà Nguyễn Thị Bích P, (không rõ địa chỉ). (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ bà T là ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L khai phá tạo lập trong thời gian chung sống. Trước năm 1975, do bà Ngô Thị L1 có nhu cầu sử dụng đất nên ông Đ và bà L cho bà L1 mượn đất để xây 01 căn chòi ở tạm chứ không sang bán gì. Ông Đ và bà L đã chôn cất ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H (cha mẹ ông Đ) trên phần đất kế bên phần đất cho bà L1 mượn. Năm 1991, 1992, ông Đ và bà L chết không để lại di chúc. Bà L và con là ông Ngô Tấn L2 lấn chiếm, xây nhà trên đất, đăng ký kê khai đứng tên các giấy tờ về quyền sử dụng đất, không trả lại đất cho bà. Sau khi bà L1 và ông L2 chết thì bà V là vợ ông L2 xây dựng nhà kiên cố che hết lối đi vào khu mộ, ngăn cản không cho bà vào cúng thanh minh. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà V giao trả phần đất đã lấn chiếm gắn liền với căn nhà có diện tích 97m², đối với căn nhà trên đất thì bà yêu cầu bà V tháo dỡ trả lại đất cho bà.

Bị đơn Hứa Ngọc V trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng bà để lại, trong quá trình sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chồng bà là ông Ngô Tấn L2 có đứng tên đăng ký kê khai và bà đã sinh sống trên phần đất này từ năm 1989 đến nay, bà xác định không chiếm đất của bà T nên không đồng ý giao trả đất.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 97, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hứa Ngọc V, phần đất tranh chấp diện tích 97m² thuộc một phần thửa đất số 3

và số 8, tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999 đất tọa lạc tại khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, có vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Đ quản lý sử dụng có số đo 22,1m;

Hướng Tây giáp phần đất bà Mã Thị Thanh T5 quản lý sử dụng có số đo 6,8m; giáp phần đất mồ mả (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 10m, giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 5,3m.

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 2,0m + 2,9m, giáp phần đất mồ mả (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 0,6m.

Hướng Bắc giáp với đường Cách M có số đo 5,6m

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Hứa Ngọc V trả lại diện tích đất mồ mả giáp với phần đất thửa nhất thuộc một phần thửa đất số 3 và số 8, tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999 đất tọa lạc tại khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo đơn khởi kiện có diện tích chiều ngang 10m x chiều dài 29m = 290m². Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Hứa Ngọc V quản lý sử dụng, (phần đất tranh chấp thửa nhất) có số đo 8,7m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Trịnh Hoàng N quản lý sử dụng có số đo 8,7m;

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 5,8m

Hướng Bắc giáp đất bà Mã Thị Thanh T5 đang quản lý, sử dụng có số đo 5,1m, giáp với phần đất của bà Hứa Ngọc V đang quản lý sử dụng có số đo số 0,7

Tổng diện tích 50,46m².

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu bà Hứa Ngọc V trả lại diện tích đất 290m² – 97m² = 193m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Buộc bà V giao trả diện tích đất 97m² cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của người bảo vệ bà T: Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà V trả lại diện tích đất. Tuy nhiên, gia đình bà V đã cất nhà kiên cố, bà T có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được xem xét giải quyết. Phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà cho bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà V trả phần đất 97m² cho bà T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thảo áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Bị đơn bà Hứa Ngọc V yêu cầu xét xử vắng mặt và từ chối nhận giấy triệu tập của Tòa án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào biên bản xét xét thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2017 phân đất tranh chấp có diện tích 97m² thuộc một phần thửa đất số 3 và số 8, tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999, đất tọa lạc tại khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Đ quản lý sử dụng có số đo 22,1m;

Hướng Tây giáp phần đất bà Mã Thị Thanh T5 quản lý sử dụng có số đo 6,8m; giáp phần đất mồ mả (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 10m, giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 5,3m.

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 2,0m + 2,9m, giáp phần đất mồ mả (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 0,6m.

Hướng Bắc giáp với đường Cách Mạng có số đo 5,6m

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà loại IV.2.b có kết cấu móng gia cố cừ, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, đòn tay sắt, mái lợp tôn lạnh không có trần, có 02 phòng ngủ và 01 nhà vệ sinh, căn nhà trên xây hết diện tích đất có diện tích xây dựng là 97m², do bà V trực tiếp quản

lý sử dụng.

[3] Về nguồn gốc đất bà T xác định là của cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L tự khai phá, trong quá trình sử dụng đất có cho bà Ngô Thị L1 là mẹ chồng bà Hứa Ngọc V mượn để cất nhà ở và bà V đã lấn chiếm thêm, khi cho mượn đất không có làm giấy tờ. Còn theo bà V xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng bà để lại, chồng bà là ông Ngô Tấn L2 có đứng tên đăng ký kê khai, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha mẹ chồng bà đã cất nhà sinh sống trên phần đất trước khi bà về sinh sống từ năm 1989 đến nay.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xác minh ông Trần Ngọc K là cán bộ địa chính Phường 1 xác định: Phần đất tranh chấp hiện nay qua đối chiếu bảng tổng hợp thửa đất chính thức thành lập năm 1997 thì thuộc thửa số 03 và số 08 tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999, do ông Ngô Tấn L2 đứng tên đăng ký kê khai diện tích 116,9m². Ngoài ra tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn B Trưởng khóm 10, Phường 1 xác định bà T không có sinh sống tại Khóm 10, Phường 1, mà bà T sinh sống tại Khóm 9, Phường 1. Bà T cho rằng cha mẹ bà cho mẹ chồng bà Vân là bà Nguyễn Thị L3 mượn nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh; phần đất tranh chấp bà T không trực tiếp quản lý sử dụng đất, không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai để chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà. Mặt khác, bà T cho rằng có ngăn cản và báo chính quyền địa phương khi bà V xây dựng nhà kiên cố, tuy nhiên ngoài lời trình bày ra thì bà T cũng không cung cấp được chứng cứ minh và tại phiên tòa phúc thẩm bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị T và lời trình bày bảo vệ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[7] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T Giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 97, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hứa Ngọc V, phần đất tranh chấp diện tích 97m², thuộc một phần thửa đất số 3 và số 8, tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999, đất tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Đ quản lý sử dụng có số đo 22,1m;

Hướng Tây giáp phần đất bà Mã Thị Thanh T5 quản lý sử dụng có số đo 6,8m; giáp phần đất mồ mã (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 10m, giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 5,3m.

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 2,0m + 2,9m, giáp phần đất mồ mã (phần đất tranh chấp thửa hai) có số đo 0,6m.

Hướng Bắc giáp với đường Cách M có số đo 5,6m

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Hứa Ngọc V trả lại diện tích đất mồ mã giáp với phần đất thứ nhất thuộc một phần thửa đất số 3 và số 8, tờ bản đồ 35, thành lập năm 1999, đất tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Hứa Ngọc V quản lý sử dụng có số đo 8,7m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Trịnh Hoàng N quản lý sử dụng có số đo 8,7m;

Hướng Nam giáp phần đất bà Trần Thị S quản lý sử dụng có số đo 5,8m

Hướng Bắc giáp đất bà Mã Thị Thanh T5 đang quản lý, sử dụng có số đo 5,1m, giáp với phần đất của bà Hứa Ngọc V đang quản lý sử dụng có số đo số 0,7

Tổng diện tích 50,46m².

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu bà Hứa Ngọc V trả lại diện tích đất $290\text{m}^2 - 97\text{m}^2 = 193\text{m}^2$.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 500.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu, bà T đã dự nộp 500.000 đồng, đã chi hết.

5. Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng